TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**COÄNG HOØA XAÕ HOÄI CHUÛ NGHÓA VIEÄT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2023/DS-ST
Ngày: 26-09-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Sim.
Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 218/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 478/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 372/2023/QĐ-ST, ngày 08 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972 (Có mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã R, huyện P, tỉnh C ..

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Quách Trọng P, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C . là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 18/4/2023) (Có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Trịnh Thị M1, sinh năm 1961 (Vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã R, huyện P, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Ong Kim C, sinh năm 1984 (Vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã R, huyện P, tỉnh C ..

2. Bà Ong Thị Ngọc M2, sinh năm 1992 (Vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã R, huyện P, tỉnh C ..

3. Ông Võ Văn L, sinh năm 1972 (Vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã R, huyện P, tỉnh C ..

- *Người đại diện hợp pháp của ông Võ Văn L:* Ông Quách Trọng P, sinh

năm 1981; địa chỉ cư trú: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C . là người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn L (Văn bản ủy quyền ngày 15/9/2023) (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2023 của bà Nguyễn Thị T, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Quách Trọng P trình bày:

Vào ngày 06/7/2020, bà Trịnh Thị M1 có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 998065 do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau ký cấp ngày 11/02/2009 thuộc quyền sở hữu của bà Ong Kim C để vay số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2.000.000 đồng/tháng. Đến ngày 08/01/2021, bà M1 tiếp tục vay thêm 60.000.000 đồng, tổng cộng hai lần vay là 120.000.000 đồng, lãi suất 4.000.000 đồng/tháng. Sau khi vay lần sau ngày 08/01/2021 bà M1 không trả vốn và lãi cho bà T, bà T đã nhiều lần yêu cầu bà M1 trả vốn và lãi nhưng bà M1 không thực hiện. Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án buộc bà Trịnh Thị M1 trả cho bà 120.000.000 đồng tiền vốn và lãi suất 20%/năm tính từ ngày 08/01/2021 đến ngày 18/4/2023 là 26 tháng x 120.000.000 đồng x 20% = 51.792.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 171.792.000 đồng. Yêu cầu Tòa án hủy giao dịch thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà T với bà M1, nguyên đơn đồng ý giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 998065 do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau ký cấp ngày 11/02/2009 cho bà Ong Kim C.

- Quá trình giải quyết vụ án cũng như bị đơn bà Trịnh Thị M1 trình bày:

Bà Trịnh Thị M1 thừa nhận vào ngày 06/7/2020 bà có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do con bà tên Ong Kim C đứng tên để vay tiền của bà T số tiền 60.000.000 đồng, đến ngày 08/01/2021, lãi suất là 20.000.000 đồng. Bà M1 thừa nhận bà có nợ bà T và đồng ý trả cho bà T 80.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật từ ngày 08/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T buộc bà trả 120.000.000 đồng. Chữ ký Trịnh Thị M1 trong biên nhận nợ ngày 08/01/2021 không phải là của bà nhưng bà không yêu cầu giám định chữ ký.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/8/2023, bà Ong Thị Ngọc M2 trình bày: Bà M2 thừa nhận 02 biên nhận nợ ngày 06/7/2020 và ngày 08/01/2021 là do bà viết, chữ ký trong biên nhận nợ không phải là chữ ký của bà M1, bà không biết ai ký. Bà thừa nhận bà có vay tiền của bà T 80.000.000 đồng không phải 120.000.000 đồng và mẹ bà là bà Trịnh Thị M1 đứng ra bảo lãnh cho bà.

- Tại văn bản trình bày và cam kết ngày 15/9/2023, ông Võ Văn L trình bày: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà Trịnh Thị M1 có cung cấp cho Tòa án các giấy tờ liên quan đến nhận tiền trong đó có tên Võ Văn L. Ông Lý xác định tiền giao dịch giữa vợ ông bà Nguyễn Thị T với bà Trịnh Thị M1 là tiền

riêng của bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà M1 trả tiền, ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

- *Tại phiên tòa, ông Quách Trọng P là người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn L trình bày:* Ông giữ nguyên nội dung trình bày của ông Võ Văn L tại văn bản ngày 15/9/2023 và thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà T buộc bà M1 có nghĩa vụ trả cho bà T số vay theo đơn khởi kiện.

- Đối với bà Ong Kim C, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà C không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:* Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử hủy giao dịch thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/7/2020, buộc bà Nguyễn Thị T giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ong Thị Chi; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, buộc bà Trịnh Thị M1 trả cho bà Nguyễn Thị T 120.000.000 đồng tiền vốn và 51.792.000 đồng tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Việc bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà Trịnh Thị M1 yêu cầu trả tiền nợ vay. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bà M1 là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Ong Thị Ngọc M2 có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Ong Thị Ngọc M2. Bà Trịnh Thị M1 và bà Ong Kim C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng bà M1 và bà C vẫn vắng mặt không gì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định khoản 1 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trịnh Thị M1 và bà Ong Kim C.

[2]. Về nội dung: Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T buộc bà Trịnh Thị M1 trả cho bà tiền vay là 120.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 08/01/2021 đến ngày 18/4/2023 là 26 tháng x 120.000.000đ x 20% = 51.792.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 171.792.000 đồng. Bà M1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T đối với số tiền vay 120.000.000 đồng, bà thừa nhận bà có thiếu bà T 80.000.000 đồng. Bà đồng ý trả cho bà T 80.000.000 đồng và tiền lãi.

[2.1]. Xét hợp đồng vay ngày 06/7/2020: Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/5/2023, biên bản hòa giải ngày 12/6/2023 bà M1 thừa nhận có ký tên giấy thế chấp quyền sử dụng đất ngày 06/7/2020 để vay tiền 60.000.000 đồng. Đồng thời, tại biên bản làm việc với bà Ong Thị Ngọc M2 ngày 15/8/2023 bà M2 thừa nhận giấy thế chấp quyền sử dụng đất để vay 60.000.000 đồng do bà viết. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp đồng vay ngày 06/7/2020 phát sinh hiệu lực pháp luật. Bà T khởi kiện yêu cầu bà M1 trả 60.000.000 đồng tiền vay, bà M1 đồng ý trả cho bà T 60.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T buộc bà M1 trả 60.000.000 đồng tiền vay ngày 06/7/2020 là có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Xét hợp đồng vay ngày 08/01/2021: Theo lời trình bày của bà M1 tại biên bản ghi lời khai ngày 29/5/2023 và biên bản ghi lời khai ngày 12/6/2023, bà M1 không thừa nhận vay thêm 60.000.000 đồng mà chỉ thừa nhận còn thiếu tiền lãi tính đến ngày 08/01/2021 là 20.000.000 đồng, cộng thêm 60.000.000 đồng vay ngày 06/7/2020 thì bà chỉ nợ bà T 80.000.000 đồng. Chữ ký Trịnh Thị M1 trong biên bản ghi ngày 08/01/2021 không phải là chữ ký của bà nhưng bà nhưng bà không yêu cầu giám định chữ viết (Bút lục 36). Tại biên bản làm việc ngày 15/8/2023, bà M2 thừa nhận chữ viết trong biên nhận nợ ngày 08/01/2021 là của bà, đồng thời bà M1 cũng thừa nhận ngày 08/01/2021 bà có ký biên nhận chốt nợ với bà T nhưng không phải biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp, bà cũng không cung cấp biên nhận cho Tòa. Tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định *"2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Theo điều luật viện dẫn thì bà M1 phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối của mình. Bà M1 cho rằng, chữ ký trong biên nhận nợ ngày 08/01/2021 không phải là của bà nhưng bà không yêu cầu giám định, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản phản đối của mình là có căn cứ nên bà tự chịu hậu quả của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Đối với nguyên đơn cho rằng, biên nhận vay ngày 08/01/2021 là do bà M2 (con bà M1 viết), bà M1 ký tên, tại phiên Tòa cũng như quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị không yêu cầu giám định chữ viết của bà M1 gì cho rằng giấy vay tiền là do bà M2 (con bà M1) viết, còn người ký tên biên nhận vay tiền là bà M1. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định hợp đồng vay ngày 08/01/2021 là thực tế có xảy ra. Do đó, bà T yêu cầu khởi kiện buộc bà M1 trả cho bà tiền vay ngày 08/01/2021 là 60.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Về yêu cầu tính lãi suất: Tại biên bản vay ngày 08/01/2021, các bên có thỏa thuận lãi suất 4.000.000 đồng/tháng đối với số tiền 120.000.000 đồng. Do các bên có thỏa thuận, nhưng mức lãi suất thỏa thuận của các bên vượt quá mức lãi suất quy định. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 20%/năm là không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được

chấp nhận. Lãi suất đối với số tiền 120.000.000 đồng tính từ ngày 08/01/2021 đến ngày 18/4/2023 là 26 tháng x 120.000.000đ x 20% = 51.792.000 đồng.

Căn cứ vào các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T buộc bà Trịnh Thị M1 trả cho bà 171.792.000 đồng (trong đó nợ tiền vay là 120.000.000 đồng, nợ tiền lãi là 51.792.000 đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Tại phiên Tòa, ông Quách Trọng P đề nghị Hội đồng xét xử hủy giao dịch thế quyền sử dụng đất ngày 06/7/2020 giữa bà Nguyễn Thị T và bà Trịnh Thị M1 và đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 998065 do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau ký cấp ngày 11/02/2009 cho bà Ong Kim C. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bà C không có ý kiến yêu cầu bà T giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị hủy giao dịch thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/7/2020 âm lịch và đồng ý giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C. Xét thấy, hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa các bên chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật nên không có hiệu lực pháp luật. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, hủy giao dịch thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06/7/2020 âm lịch giữa bà Nguyễn Thị T với bà Trịnh Thị M1, buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 998065 do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau ký cấp ngày 11/02/2009 thuộc quyền sở hữu của bà Ong Kim C cho bà C là phù hợp.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của Bà Nguyễn Thị T nên Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trịnh Thị M1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 167 Luật đất đai; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy giao dịch thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/7/2020 âm lịch giữa bà Nguyễn Thị T và bà Trịnh Thị M1. Buộc Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ giao trả lại cho bà Ong Kim C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 998065 do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau ký cấp ngày 11/02/2009 thuộc quyền sở hữu của bà Ong Kim C cho bà Ong Kim C.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Trịnh Thị M1 trả cho bà Nguyễn Thị T 171.792.000 đồng (trong đó nợ tiền vay là 120.000.000 đồng, nợ tiền lãi là 51.792.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí, bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí 4.295.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0018864 ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; Bà T được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Trịnh Thị M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.589.600 đồng. Bà M1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí. Áp dụng Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bà M1 được miễn tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị T, ông Võ Văn L, ông Quách Trọng P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bà Trịnh Thị M1, bà Ong Kim C, bà Ong Thị Ngọc M2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bình